

QUYẾT ĐỊNH

**Về hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các doanh nghiệp trên địa bàn
Thành phố Hà Nội để sản xuất kinh doanh năm 2014**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 7499/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2013 của UBND Thành phố về việc giao Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2014 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ công văn số 4725/VPCP-KTTH ngày 25/6/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay của doanh nghiệp Hà Nội;

Căn cứ công văn số 354/HĐND-KTNS ngày 01/8/2014 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ lãi suất vốn vay cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố năm 2014;

Xét đề nghị của liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài chính – Sở Công thương - Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hà Nội tại Tờ trình liên ngành số 655 /TTr-LN: KH&ĐT-TC-CT-NHNNTTP ngày 25 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ngân sách Thành phố hỗ trợ lãi suất vốn vay đối với các khoản vay ngắn hạn (thời hạn cho vay đến 12 tháng) bằng đồng Việt Nam cho các doanh nghiệp có trụ sở chính tại Hà Nội sử dụng nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội để sản xuất - kinh doanh thuộc một số lĩnh vực được quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Các doanh nghiệp vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện phương án sản xuất - kinh doanh thuộc một trong các lĩnh vực sau:

a. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm được Thành phố công nhận là sản phẩm công nghiệp chủ lực có hợp đồng sản xuất;

b. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn Thành phố theo phụ lục 1 đính kèm có hợp đồng sản xuất;

c. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo phụ lục 2 đính kèm có hợp đồng sản xuất;

d. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp sản xuất thuộc đối tượng quy định tại các mục a, b, c khoản 1 Điều này.

2. Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bằng đồng Việt Nam áp dụng cơ chế và lãi suất vay thông thường theo hợp đồng tín dụng được giải ngân trong khoảng thời gian từ 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2014 của các doanh nghiệp quy định tại Điều 1 và Khoản 1 Điều 2 Quyết định này để thực hiện phương án sản xuất – kinh doanh.

3. Các khoản vay ngắn hạn của các đối tượng nêu trên đã được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các quy định khác do Chính phủ hoặc UBND Thành phố ban hành, các khoản vay cho các hợp đồng xuất khẩu không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc, thời hạn và mức hỗ trợ lãi suất

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất: Doanh nghiệp chỉ nhận được hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký kết và giải ngân trong khoảng thời gian quy định tại Khoản 2 Điều này.

Đối với các doanh nghiệp thuộc điểm d khoản 1 Điều 2, tổng mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất không vượt quá giá trị hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp thuộc đối tượng điểm a, b, c khoản 1 Điều 2.

2. Thời hạn được hỗ trợ lãi suất tối đa là 12 tháng; Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay được áp dụng đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014; Đối với hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày 01/01/2014 trong đó có thoả thuận việc giải ngân nhiều lần thông qua các khế ước, giấy nhận nợ từng lần, thì các khoản vay được giải ngân theo khế ước, giấy nhận nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014 được hỗ trợ lãi suất; Các khoản vay quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ vay thì không được tính hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian quá hạn trả nợ và gia hạn nợ vay.

3. Mức lãi suất hỗ trợ là 0,2%/tháng tính trên số tiền vay và được giải ngân thực tế nằm trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Điều kiện để các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ lãi suất

Doanh nghiệp thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại Điều 1, Điều 2 của Quyết định này, đảm bảo các điều kiện sau đây: không có nợ xấu, tài chính lành mạnh, chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước về nộp ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp, không nợ đọng thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác bao gồm cả thuế xuất nhập khẩu sẽ được ngân sách Thành phố cấp hỗ trợ lãi suất.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất

1. Doanh nghiệp thuộc phạm vi, đối tượng và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 4 Quyết định này lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất gồm:

a. Văn bản đề nghị UBND Thành phố hỗ trợ lãi suất vốn vay và có cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng;

b. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác (nếu có);

c. Bản sao Khế ước, Hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng;

d. Bản sao Hợp đồng với các đơn vị cung ứng nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất và hợp đồng sản xuất (đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng a, b, c khoản 1 Điều 2); Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm (đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng d khoản 1 Điều 2);

e. Báo cáo tài chính năm 2013 (được kiểm toán);

g. Phương án sản xuất kinh doanh năm 2014 của doanh nghiệp;

h. Bản sao chứng từ vay và trả nợ ngân hàng;

i. Bản xác nhận khoản vay của Tổ chức tín dụng đối với doanh nghiệp;

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất gửi Sở Tài chính để làm đầu mối tiếp nhận, thẩm tra. Thời gian nhận hồ sơ: chậm nhất là ngày 15/01/2015.

3. Khi nhận đủ hồ sơ theo khoản 1 và khoản 2 điều này, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tiến hành xem xét, thẩm tra, xác định mức hỗ trợ lãi suất, trình UBND Thành phố phê duyệt. Thời hạn xem xét, thẩm tra không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này.

Điều 6. Quản lý, cấp phát khoản hỗ trợ lãi suất

Khi có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về khoản hỗ trợ lãi suất, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát khoản hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1 Trách nhiệm của Doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất:

a. Kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác các khoản vay trong hồ sơ đề nghị được hỗ trợ lãi suất;

b. Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong Hợp đồng tín dụng; Chịu sự thanh tra, giám sát khi phát hiện có sai phạm trong việc kê khai hồ sơ sử dụng vốn vay; Đồng thời có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến khoản vay được đề nghị hỗ trợ lãi suất; Quá trình kiểm tra, giám sát phát hiện có sai phạm, doanh nghiệp phải hoàn trả cho ngân sách thành phố số lãi tiền vay được hỗ trợ và bị xử lý theo quy định của pháp luật;

c. Hạch toán khoản chi trả lãi tiền vay theo đúng số tiền lãi phải trả cho Tổ chức tín dụng sau khi được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a. Là cơ quan đầu mối xây dựng bộ hồ sơ hướng dẫn doanh nghiệp, tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất của các doanh nghiệp, lấy ý kiến của các Sở - Ngành liên quan, thẩm tra, xác định số tiền ngân sách hỗ trợ lãi suất, trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận (hoặc không chấp thuận). Nội dung trình UBND Thành phố phê duyệt bao gồm: Tên doanh nghiệp, tổng mức vốn vay ngân hàng thương mại, dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất, thời gian hỗ trợ, số tiền được ngân sách hỗ trợ;

b. Thực hiện việc cấp phát khoản hỗ trợ lãi suất theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c. Chủ trì, phối hợp với các Sở -Ngành liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện theo cam kết của doanh nghiệp để đảm bảo việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật;

d. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố về nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp trong dự toán ngân sách Thành phố;

e. Tổng hợp tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a. Có ý kiến về doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố Hà Nội khi có văn bản đề nghị của Sở Tài chính;

b. Phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố quyết định nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp trong dự toán ngân sách Thành phố dành cho đầu tư phát triển.

4. Trách nhiệm của ngành Ngân hàng

4.1. Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh thành phố Hà Nội

a. Phối hợp với Sở Tài chính, các Tổ chức tín dụng để thống kê, theo dõi đối với các doanh nghiệp có khoản vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc thanh tra, giám sát và xử lý khi có vi phạm trong việc kê khai, xác nhận của doanh nghiệp và Tổ chức tín dụng;

b. Phối hợp với Sở Tài chính trong việc kiểm tra đối với khoản vay được hỗ trợ lãi suất có biểu hiện sai phạm khi có yêu cầu;

c. Xây dựng mẫu biểu thống nhất về Bản xác nhận khoản vay của Tổ chức tín dụng đối với doanh nghiệp, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào bộ hồ sơ hướng dẫn doanh nghiệp;

4.2. Các tổ chức tín dụng: Có ý kiến xác nhận và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của khoản vay của Doanh nghiệp đề nghị được hỗ trợ lãi suất (Thời điểm giải ngân, dư nợ, mức lãi suất, số lãi suất thực trả của khoản vay...)

5. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan

- Sở Công thương có trách nhiệm thẩm tra sự phù hợp về đối tượng và phạm vi quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Quy định này khi có văn bản đề nghị của Sở Tài chính.

- Cục thuế Thành phố Hà Nội: Có ý kiến và xác nhận doanh nghiệp có nợ thuế hay không (tính đến thời điểm nhận hồ sơ) khi có văn bản đề nghị của Sở

Tài chính; Kiểm tra, hướng dẫn doanh nghiệp hạch toán khoản tiền hỗ trợ đúng chế độ tài chính hiện hành.

- Cục Hải quan Thành phố Hà Nội: Có ý kiến và xác nhận doanh nghiệp có nợ thuế hay không (tính đến thời điểm nhận hồ sơ) khi có văn bản đề nghị của Sở Tài chính.

- Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội: Có ý kiến và xác nhận doanh nghiệp có nợ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp hay không (tính đến thời điểm nhận hồ sơ) khi có văn bản đề nghị của Sở Tài chính.

Sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm tra, các cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trong đó nêu rõ doanh nghiệp đáp ứng điều kiện về chuyên ngành do cơ quan chuyên môn quản lý để được hưởng hỗ trợ lãi suất hay không. Trường hợp quá thời gian quy định, nếu không trả lời thì xem như đồng ý và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định, bổ sung, điều chỉnh kịp thời.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương và Thủ trưởng các ngành: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố, Cục thuế Hà Nội, Cục Hải quan Hà Nội, Bảo hiểm xã hội Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND TP;
- VPUB: CVP, Các PCVP, TH, các phòng chuyên viên;
- Trung tâm tin học công báo;
- Lưu: VT, CT

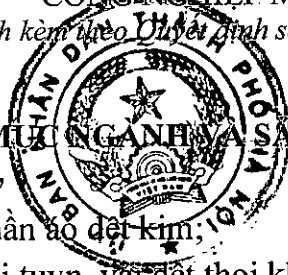
26115 - 45

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC NGÀNH VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN,
CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số **4832/QĐ-UBND** ngày **17/9/2014** của UBND TP)



I. DANH MỤC NGÀNH VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN

1. Dệt may

- Quần áo dệt kim;
- Vải tuyn, vải dệt thoi khổ rộng, vải dệt kim;
- Khăn mặt bông, bit tất;
- Các sản phẩm nguyên phụ liệu dệt may.

2. Chế biến nông sản, thực phẩm

- Sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản phẩm thịt chế biến sẵn;

3. Hóa chất

- Các sản phẩm, chi tiết nhựa kỹ thuật cao phụ trợ cho các ngành: ô tô - xe máy; điện tử - viễn thông – công nghệ thông tin;
- Hóa dược vô cơ, hữu cơ; dược phẩm cao cấp các loại (thuốc phòng chống HIV, cao huyết áp, tiêu đường, tim mạch ...)

II. DANH MỤC NGÀNH VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN

1. Ngành cơ khí chế tạo

Nhóm sản phẩm cơ khí nông nghiệp: máy nông nghiệp và lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm;

Nhóm sản phẩm cơ khí giao thông vận tải: Các chi tiết, phụ tùng, linh kiện của ô tô (động cơ, hộp số, bộ khởi động, hệ thống phanh, lái, treo...);

Nhóm sản phẩm khuôn mẫu: các sản phẩm khuôn mẫu kỹ thuật cao;

Nhóm sản phẩm thiết bị điện:

- Máy biến thế khô cấp trung thế, máy biến thế truyền tải cấp 110 kV, 220 kV;
- Động cơ điện các loại: công suất lớn, cao áp, chuyên dụng, mini xoay chiều và một chiều; Máy phát điện khai thác nguồn năng lượng tái tạo;
- Công tơ điện từ, khí cụ điện cấp cao thế; các thiết bị đo lường, kiểm tra, thực nghiệm điện;
- Các loại dây cáp điện bọc cách điện đặc tính kháng nước, chống thấm dột, chống cháy

Nhóm sản phẩm cơ điện tử: các chi tiết, hệ thống điều khiển của các loại máy, thiết bị gia công cơ khí CNC hoặc dây chuyền thiết bị đồng bộ; robot công nghiệp; hệ vi cơ điện tử, nano cơ điện tử;

Nhóm sản phẩm thiết bị y tế điện tử: máy siêu âm, điện tâm đồ, thiết bị gây mê, máy chiếu các loại tia, thiết bị mổ nội soi, các loại máy chụp cắt lớp, thiết bị thí nghiệm ADN.

2. Ngành điện tử, viễn thông và Công nghệ thông tin

- Linh kiện máy tính, máy in, điện thoại di động;

- Thiết bị truyền hình, ghi hình kỹ thuật số;
- Màn hình khổ lớn, màn hình tinh thể lỏng;
- Chíp điện tử;
- Mạch in nhiều lớp

3. Sản phẩm từ công nghệ mới

- Các sản phẩm phần mềm: phần mềm nền, phần mềm nhúng, phần mềm đóng gói, phần mềm chuyên dụng;
- Các sản phẩm nội dung số và dịch vụ;
- Các sản phẩm ứng dụng dạng năng lượng mới, nguồn năng lượng tái tạo (quang năng, điện gió, địa nhiệt...).

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN
(Ban hành kèm Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 17 / 9/2014 của UBND Thành phố)

I. NGÀNH DỆT - MAY:

- Xơ thiên nhiên: Bông, đay, gai, tơ tằm;
- Xơ tổng hợp: PE, Viscose;
- Vải: Vải kỹ thuật, vải không dệt;
- Hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành nhuộm hoàn tất vải;
- Phụ liệu ngành may: Cúc, mex, khóa kéo, băng chun.

II. NGÀNH DA - GIÀY:

- Da thuộc;
- Vải giả da;
- Đế giày;
- Hóa chất thuộc da;
- Da muối;
- Chỉ may giày.

III. NGÀNH ĐIỆN TỬ - TIN HỌC:

- Linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, điôt, ăngten, thyristor;
- Linh kiện thạch anh;
- Vi mạch điện tử;
- Vật liệu sản xuất linh kiện điện tử: Chất bán dẫn, vật liệu từ cứng, vật liệu từ mềm, chất cách điện tích cực;
- Linh kiện phục vụ công nghiệp lắp ráp sản phẩm điện tử: Linh kiện nhựa, linh kiện cao su, chi tiết cơ - điện tử, linh kiện kính;
- Pin dùng cho máy vi tính xách tay, điện thoại di động;
- Điện thoại và các loại linh kiện;
- Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện;
- Cáp quang và các loại cáp viễn thông;
- Pin, ắc quy có hiệu suất cao dùng cho các thiết bị thông tin và truyền thông.

IV. NGÀNH SẢN XUẤT LẮP RÁP Ô TÔ:

- Động cơ và chi tiết động cơ: Thân máy, piston, trục khuỷu, thanh truyền, bánh răng, cụm ống xả, xi lanh, cụm đầu xi lanh, trục cam, xéc-măng, van động cơ;
- Hệ thống bôi trơn: Bộ lọc dầu, bộ làm mát, bộ tản nhiệt, bơm dầu, các loại van;

- Hệ thống làm mát: Bộ tản nhiệt, két nước, quạt gió, van hằng nhiệt, bơm nước;
- Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Thùng nhiên liệu, bộ lọc nhiên liệu, bộ lọc không khí, ống dẫn bơm nhiên liệu, bộ chế hòa khí, hệ thống phun nhiên liệu;
- Khung - thân vỏ - cửa xe: Các chi tiết dạng tấm đột dập, sắt xi, thùng xe tải, bậc lên xuống, cụm cửa xe;
- Hệ thống treo: Nhíp, lò xo đàn hồi, bộ giảm chấn;
- Bánh xe: Lốp xe, vành bánh xe bằng hợp kim nhôm;
- Hệ thống truyền lực: Ly hợp, hộp số, cầu xe, trục các đăng;
- Hệ thống lái;
- Hệ thống phanh;
- Linh kiện điện - điện tử:
 - + Nguồn điện: Ắc quy, máy phát điện;
 - + Thiết bị đánh lửa: Bugi, cao áp, biến áp;
 - + Role khởi động, động cơ điện khởi động;
 - + Dây điện, đầu nối, cầu chì, các loại cảm biến, thiết bị tự động điều khiển, bộ xử lý;
- Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu: Đèn, còi, đồng hồ đo các loại;
- Hệ thống xử lý khí thải ô tô;
- Linh kiện nhựa cho ô tô;
- Linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn.

V. NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO:

- Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;
- Dụng cụ - dao cắt: Dao điện, dao phay, mũi khoan;
- Phụ tùng máy gia công cơ khí, phụ tùng máy hàn;
- Dụng cụ đo lường, kiểm tra dùng trong cơ khí: Thước đo, máy đo 3 chiều, máy phân tích thành phần kim loại, máy siêu âm mối hàn;
- Chi tiết máy: Bu lông cường độ cao, ốc vít cường độ cao, ổ bi, bạc lót, bánh răng, van, khớp các loại, vỏ máy, chi tiết đột dập, hộp biến tốc, xi lanh thủy lực, phụ tùng máy động lực, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Thép chế tạo;
- Chi tiết phụ tùng xe máy.

VI. CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

- Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;

- Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;

- Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời;

- Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;

- Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa./.